TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ B** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHIA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HSST
Ngày 22 – 02 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN - TỈNH THANH HOÁ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc L
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quốc S
2. Ông Lê Minh h
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:
Bà Lê Thị Thu H - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bỉm Sơn tham gia phiên tòa*:
Bà Lại Thị H - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 05/2021/HSST ngày 18 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST- HS ngày 11 tháng 02 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Trịnh Thế L (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 22/7/1991, tại huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Sóc Sơn 3, xã Vĩnh H , huyện Vĩnh L , tỉnh Thanh Hóa; Trình độ văn hoá: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trịnh Thế Đ và bà Trịnh Thị T ;Có vợ: Lê Thị H và có 01 con sinh năm 2017; Tiền sự: Không, tiền án: Ngày 23/8/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 30 tháng tù về tội: *"Trộm cắp tài sản"*, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án và được trừ đi thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/12/2020 đến 07/3/2021 theo Bản án số 46/2021/HSST. Bị cáo chưa chấp hành hình phạt tù.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/10/2021. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ, tạm giam Công an thị xã B. Có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Văn T (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 09/6/1989, tại huyện Hoằng H , tỉnh Thanh Hóa; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn 2 Nghĩa Tr , xã Hoằng K , huyện Hoằng H , tỉnh Thanh Hóa; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Hùng T và bà Đỗ Thị T ; Có vợ: Lê Thị L (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2009; Tiền án: Không, tiền sự: Ngày 29/9/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Hoằng H , tỉnh Thanh Hóa ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào

cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 24 tháng theo Quyết định số 22/2021/QĐ – TA, bị cáo chưa chấp hành Quyết định.

Nhân thân:

+Ngày 23/01/2006, bị Chủ tịch UBND huyện Hoằng H , tỉnh Thanh Hóa Quyết định đưa vào trường giáo dưỡng theo Quyết định số 86/QĐ-UB-NC, đã chấp hành xong Quyết định;

+ Ngày 13/6/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên H , tỉnh Đồng Nai xử phạt 10 tháng tù về tội :Trộm cắp tài sản" theo bản án số 332/2012/HSST, đã chấp hành xong bản án;

+ Ngày 28/02/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Hoằng H , tỉnh Thanh Hóa xử phạt 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số 17/2014/HSST, đã chấp hành xong bản án;

+ Ngày 22/7/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Hoằng H , tỉnh Thanh Hóa xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số 37/2015/HSST, đã chấp hành xong bản án.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/10/2021. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ, tạm giam Công an thị xã B. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Công ty cổ phần sản xuất và thương mại C
Địa chỉ Công ty: Khu phố Trường Sơn, phường Đông S , thị xã B, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Minh C – Giám đốc Công ty. Vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Mai Bá T - Sinh năm 1997. Vắng mặt

Chị Phạm Thị T - Sinh năm 2000. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn Kim S , xã Hà Đ , huyện Hà Tr , tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Trịnh Thế L và Lê Văn T là bạn nghiện chất ma túy. Khoảng 01 giờ ngày 07/10/2021, L rủ T đi ra thị xã Bỉm Sơn để trộm cắp tài sản. T đồng ý. L điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 36K8- 5124 chở T đi từ Cầu Lèn, thị trấn huyện Hà T , tỉnh Thanh Hóa đến thị xã B, tỉnh Thanh Hóa, vừa đi vừa quan sát xem có ai sơ hở để trộm cắp. Khi đi đến Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại C, thuộc khu phố Trường S , phường Đông S , thị xã B, L dừng xe, bảo T đứng ngoài chờ và cảnh giới, còn L trèo qua tường rào vào bên trong Công Ty tìm tài sản. Khi đi đến nhà kho, phát hiện 01 chiếc máy hàn gắn vào xe cải tiến và 02 cuộn dây điện màu xám để trên xe, Long lấy số tài sản trên và đẩy ra ngoài. Do đường ra ướt, nhiều bùn đất lầy nên Long lấy đá ném báo hiệu gọi cho Thùy vào giúp. Lê Văn T trèo qua tường rào vào trong Công ty cùng L đẩy xe cải tiến cùng tài sản trộm cắp được ra cổng nhưng do cổng khóa, nên L quay lại khu vực

xưởng, lấy một thanh sắt tròn dạng phi 12 ra phá khóa cổng , sau đó cả hai mang số tài sản ra ngoài buộc lên xe máy chở đến cửa hàng thu mua phế liệu của vợ chồng anh Mai Bá T , chị Phạm Thị T ở thôn Kim Sơn, xã Hà Đ , huyện Hà T , tỉnh Thanh Hóa bán chiếc xe cải tiến được 670.000đồng, 02 cuộn dây điện được 1.190.000đồng. Riêng chiếc máy hàn anh Thắng trả giá 2.000.000 đồng nhưng L không đồng ý bán nên gửi lại cửa hàng của anh T . Khoảng 09giờ sáng cùng ngày, L và T quay lại cửa hàng của anh T lấy máy hàn thì anh T trả giá 2.500.000 đồng nên Long đồng ý bán. Tổng số tiền bán được là 4.360.000 đồng, L cất giữ và cùng T tiêu xài cá nhân hết 3.560.000đồng, còn lại 800.000đồng Cơ quan điều tra đã thu giữ của Trịnh Thế L .

Sau khi mua số tài sản trên, anh Mai Bá T đã cắt chiếc xe cải tiến thành nhiều đoạn khác nhau. Ngày 08/10/2021, biết tài sản trên do Trịnh Thế L và Lê Văn T trộm cắp, anh Mai Bá T đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra để phục vụ giải quyết vụ án.

Ngày 09/10/2021, Hội đồng định giá tài sản thị xã Bỉm Sơn định giá, kết luận:

+ 01 (một) máy hàn trần không có vỏ, loại 220v/380 -500ª đã qua sử dụng có giá trị 5.600.000đồng(Năm triệu sáu trăm nghìn đồng);

+ 14m (mười bốn mét) dây hàn 1x35mm2 đã qua sử dụng có giá 1.800.000đồng;

+ 12m40cm (mười hai mét bốn mươi centimet) dây nguồn 3x25mm2 đã qua sử dụng có giá 2.100.000đồng;

+ 01 (một) xe cải tiến chở máy hàn đã qua sử dụng có giá 450.000đồng.

Tổng cộng: 9.950.000đồng(chín triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Ngày 09/10/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B đã trả lại toàn bộ tài sản trên cho bà Nguyễn Phương T , là đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần sản xuất và thương mại C, bà T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm.

Ngày 28/12/2021, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh T số tiền 800.000đồng đã thu giữ của Trịnh Thế L , số tiền còn lại 3.560.000đồng gia đình anh T , yêu cầu các bị cáo L và T phải bồi thường.

Chiếc xe máy dạng xe Wave màu đỏ, Biển kiểm soát 36K8 – 5124, số khung VSADCG054SA* 021300*, số máy: VSAIP50FM6-3*011200*, hai bên thân xe có dán chữ Wave α màu trắng, không có yếm, không có gương chiếu hậu bên phải, không có giấy tờ xe, thu giữ của Trịnh Thế L . Qua tra cứu chiếc xe trên chủ xe là Lê Văn V , địa chỉ: Chí Ph , xã Hà S , huyện Hà T , đăng ký lần đầu ngày 26/01/2005. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản của Trịnh Thế L , L mua để sử dụng và đã làm mất giấy tờ xe. Ngày 07/10/2021, bị cáo L đã sử dụng chiếc xe trên chở Lê Văn T đi trộm cắp tài sản do đó cần phải tiếp tục thu giữ, bảo quản để xử lý. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B đã chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự thị xã B chờ xử lý.

Tại bản cáo trạng số 14/CT-VKSBS ngày 17/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã B truy tố Trịnh Thế LB, Lê Văn TB về tội: "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân thị xã B đề nghị xét xử đối với các bị cáo:

- Căn cứ pháp luật:

+ Khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017(Đối với bị cáo Trịnh Thế L).

+ Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017(Đối với bị cáo Lê Văn T).

- Hình phạt: Đề nghị xử phạt các bị cáo:

+ Bị cáo Trịnh Thế L : Từ 18 tháng tù đến 21 tháng tù. Tổng hợp với 30 tháng tù của bản án số 46/2021/HSST ngày 23/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hà T , tỉnh Thanh Hóa. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 09/10/2021.

+ Bị cáo Lê Văn T : Từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 09/10/2021.

- Hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ *Đối với bị hại*: Ngày 09/10/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B đã trả lại toàn bộ tài sản trên cho Công ty cổ phần sản xuất và thương mại C, Công ty đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm, nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

+ *Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, Điều 586, Điều 587, Điều 589 Bộ luật Dân sự đề nghị buộc bị cáo L và bị cáo T phải liên đới bồi thường cho vợ chồng anh Mai Bá T số tiền 3.560.000đồng.

- Về vật chứng và tài sản thu giữ:

+ Đối với Chiếp dép lê bằng nhựa màu xanh xám đã cũ, đã qua sử dụng thu giữ tại hiện trường là tài sản của Trịnh Thế L bỏ lại khi cùng Thùy mang tài sản trộm cắp ra ngoài, ngày 28/12/2021, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc dép trên cho bị cáo L là phù hợp.

+ Đối với Chiếc xe máy dạng xe Wave màu đỏ, Biển kiểm soát 36K8 – 5124, số khung VSADCG054SA* 021300*, số máy: VSAIP50FM6-3*011200*, hai bên thân xe có dán chữ Wave α màu trắng, không có yếm, không có gương chiếu hậu bên phải, không có giấy tờ xe, thu giữ của Trịnh Thế L . Qua tra cứu chiếc xe trên chủ xe là Lê Văn Việt, địa chỉ: Chí Phúc, xã Hà Sơn, huyện Hà Tr , đăng ký lần đầu ngày 26/01/2005. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản của Trịnh Thế L , L mua để sử dụng và đã làm mất giấy tờ xe. Xác định bị cáo L đã sử dụng chiếc xe máy trên làm công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a

khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.tịch thu sung công quỹ Nhà nước chiếc xe máy trên của bị cáo Trịnh Thế L .

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST và DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Người đại diện theo pháp luật của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án, Hội đồng xét xử có thể công bố lời khai của họ tại phiên tòa để tranh tụng nên không ảnh hưởng đến hoạt động xét xử vụ án. Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, quyết định xét xử vụ án vắng mặt những người này theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[**1**]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra thị xã Bỉm Sơn, Điều tra viên; Viện Kiểm sát thị xã Bỉm Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục và thời gian theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[**2**]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Trịnh Thế L , Lê Văn T thừa nhận hành vi: Khoảng 01 giờ ngày 07/10/2021, tại khu phố Trường Sơn, phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa Trịnh Thế L , Lê Văn T đã đột nhập vào Công ty cổ phần sản xuất và thương mại C, lén lút trộm cắp 01 máy hàn, 02 cuộn dây điện và 01 xe cải tiến. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 9.950.000đồng.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai người đại diện theo pháp luật của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu khác phản ánh trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố nh□bản cáo trạng, các bị cáo nhận tội và không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Lời sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội: Trộm cắp tài sản, nên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bỉm Sơn truy tố các bị cáo Trịnh Thế L , Lê Văn T về tội: Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội của Trịnh Thế L , Lê Văn T có đủ các dấu hiệu cấu thành tội: "*Trộm cắp tài sản* ". Tội phạm và khung hình phạt đ□ợc quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[**3**]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Các bị cáo có tuổi đời còn rất trẻ, có sức khỏe nhưng lười lao động, muốn có tiền tiêu xài, bị cáo đi lang thang khắp nơi và lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản trong việc quản lý tài sản, các bị cáo đã đột nhập, lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại và nhanh chóng tẩu thoát. Hành vi phạm tội của các bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của các bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, mà còn gây căm phẫn bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân, gây mất trật tự trị an ở địa phương, nên cần phải đ□ợc xử lý nghiêm minh mới có tác dụng răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và có tính phòng ngừa chung.

Căn cứ vào tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của các bị cáo thì cần phải xử cách ly các bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục là cần thiết.

[**4**]. Về vai trò, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về vai trò: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bởi các bị cáo không có sự bàn bạc, câu kết chặt chẽ với nhau trước khi thực hiện hành vi phạm tội. Trong đó bị cáo Trịnh Thế Long là người khởi xướng việc trộm cắp tài sản và thực hiện một cách tích cực nên giữ vai trò đầu vụ, còn bị cáo Lê Văn T cảnh giới cho bị cáo L đột nhập vào Công ty cổ phần sản xuất và thương mại C thực hiện hành vi trộm cắp và cùng bị cáo L đưa tài sản trộm cắp ra khỏi Công ty, nên bị cáo T là đồng phạm với vai trò giúp sức cho bị cáo Long và giữ vai trò thứ hai.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng bị cáo có nhân thân xấu.

Bị cáo L có 01 tiền án về tội: *"Trộm cắp tài sản"*, bị cáo chưa chấp hành hình phạt tù của bản án này và chưa được xóa án tích, nay bị cáo lại tiếp tục phạm tội nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là Tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại Cơ quan điều tra và phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[**5**]. Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị, điều kiện gia đình của các bị cáo rất khó khăn, nên việc áp dụng hình phạt bổ sung là không có khả năng thi hành đối với các bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[**6**]. Đối với bị cáo Trịnh Thế : Do bị cáo chưa chấp hành hình phạt tại Bản án số 46/2021/HSST ngày 23/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 30 tháng tù về tội: *"Trộm cắp tài sản"*(Hiện bản án đã có hiệu lực pháp luật), nên buộc bị cáo phải chịu hình phạt của bản án mới và tổng hợp hình phạt với bản án trên theo quy định tại Điều 55, khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[**7**]. Anh Mai Bá T - Sinh năm 1997 và chị Phạm Thị T - Sinh năm 2000 là chủ cửa hàng thu mua phế liệu tại thôn Kim S , xã Hà Đ , huyện Hà T , tỉnh Thanh Hóa đã mua tài sản do Long và Thùy trộm cắp, tuy nhiên khi mua, anh T , chị T không biết đây là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý anh T , chị T .

[**8**]. Về trách nhiệm dân sự:

+ Ngày 09/10/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B đã trả lại toàn bộ tài sản trên cho Công ty cổ phần sản xuất và thương mại C, Công ty đã nhận lại tài sản, đến nay Công ty không có yêu cầu bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Mai Bá T , chị Phạm Thị T yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại là 3.560.000đồng. Xét yêu cầu của anh T , chị T có căn cứ chấp nhận, nên buộc bị cáo L và T phải liên đới bồi thường cho anh T , chị T số tiền 3.560.000đồng, cụ thể: Do không xác định được số tiền mỗi bị cáo tiêu xài, nên buộc mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh T , chị Th ½ số tiền trên là 1.780.000đồng.

[**9**]. Về vật chứng và tài sản thu giữ:

+ Đối với Chiếp dép lê bằng nhựa màu xanh xám đã cũ, đã qua sử dụng thu giữ tại hiện trường là tài sản của Trịnh Thế L bỏ lại khi cùng Thùy mang tài sản trộm cắp ra ngoài, ngày 28/12/2021, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc dép trên cho bị cáo L là phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Đối với Chiếc xe máy dạng xe Wave màu đỏ, Biển kiểm soát 36K8 – 5124, số khung VSADCG054SA* 021300*, số máy: VSAIP50FM6-3*011200*, hai bên thân xe có dán chữ Wave α màu trắng, không có yếm, không có gương chiếu hậu bên phải, không có giấy tờ xe, thu giữ của Trịnh Thế L . Qua tra cứu chiếc xe trên chủ xe là Lê Văn V , địa chỉ: Chí P , xã Hà S , huyện Hà T , đăng ký lần đầu ngày 26/01/2005. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản của Trịnh Thế L , L mua để sử dụng và đã làm mất giấy tờ xe. Xác định bị cáo L đã sử dụng chiếc xe máy trên làm công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội, nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước chiếc xe máy trên của bị cáo Trịnh Thế L

[**10**]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trịnh Thế L , Lê Văn T phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 55, khoản 2 Điều 56, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Thế L 21(Hai mươi mốt) tháng tù. Tổng hợp với 30 tháng tù của bản án số 46/2021/HSST ngày 23/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hà T , tỉnh Thanh Hóa. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là

04 năm 03 tháng tù, nhưng được trừ đi thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/12/2020 đến 07/3/2021 của bản án số 46/2021/HSST. Thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 09/10/2021.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T 18(Mười tám) tháng tù.Thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 09/10/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 30 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 584, Điều 586, Điều 587, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo L và T phải liên đới bồi thường cho anh T , chị T số tiền 3.560.000đồng*(Ba triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng)*, cụ thể: Mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh T, chị T ½ số tiền trên là 1.780.000đồng*(Một triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng)*.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày anh Mai Bá T , chị Phạm Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các bị cáo L , T không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu thêm khoản tiền lãi suất t- ơng ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về vật chứng và tài sản thu giữ: □p dụng: Điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 Chiếc xe máy dạng xe Wave màu đỏ, Biển kiểm soát 36K8 – 5124, số khung VSADCG054SA* 021300*, số máy: VSAIP50FM6-3*011200* thu giữ của bị cáo Trịnh Thế L .

(Hiện vật chứng và tài sản trên đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã B theo biên bản giao nhận số 17/TV-CCTHA ngày 19/01/2022).

Về án phí: Căn cứ khoản 1, 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đồng*(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại

phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai./

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người bị hại ;
- Người có QLNVLQ
- VKS ND thị xã B;
- Công an TX.B
- Chi cục THA DS thị xã B;
- VKS ND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- L- u hồ sơ vụ án./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Ngọc L

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**